

Bản án số: 45/2017/HS-ST
Ngày: 28/6/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC,
TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trần Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thị Hằng Nga

2- Bà Đoàn Thị Mến

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trí Dũng- Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28/6/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2017/HS-ST ngày 25/5/2017, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H (Tên gọi khác là L), sinh năm 1994 tại tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; hộ khẩu thường trú: Tổ A, ấp B, xã L, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; chỗ ở hiện nay: Tổ A, ấp B, xã L, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 8/12; con ông Nguyễn Văn G và bà Hồ Thị Bích H; chưa có vợ con; tiền sự: Ngày 11/5/2016 bị Công an xã L xử phạt 750.000đ về hành vi gây rối đánh nhau; ngày 22/4/2016 bị Công an xã L áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; tiền án: Không; tại ngoại. “Có mặt”

Bị hại: Ông Phạm Văn M, sinh năm 1970

Trú tại: Tổ A, ấp B, xã L, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. “Vắng mặt”

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1969

Trú tại: Tổ A, ấp B, xã L, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. “Có mặt”

- Bà Hồ Thị Bích H, sinh năm 1977

Trú tại: Tổ A, ấp B, xã L, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. “Có mặt”

- Bà Thái Thị L, sinh năm 1963

Trú tại: Ấp A, xã L, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. “Vắng mặt”.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958

Trú tại: Tổ B, ấp H, xã L, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. “Vắng mặt”

- Ông Tô Văn T, sinh năm 1971

Trú tại: Tổ A, ấp B, xã L, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. “Vắng mặt”

- Bà Lê Thị Kim V, sinh năm 1977

Trú tại: Tổ C, ấp D, xã L, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. “Vắng mặt”

- Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1993

Trú tại: Ấp A, xã L, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. “Vắng mặt”

- Ông Trần Hữu N, sinh năm 1973

Trú tại: Ấp C, xã H, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 12/12/2016 bị cáo Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô biển số 72L4-1993 của ông Nguyễn Văn G (Là cha ruột) kéo theo rờ-moc tự chế đi hái lá cho dê ăn. Khi đến ấp A, xã L, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu bị cáo thấy trong rẫy của ông Phạm Văn M có căn chòi tôn đóng cửa không có người, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên đi đến căn chòi và nhặt một cây sắt phi 12, dài 1,15m gần căn chòi cạy bung khoen móc khóa cửa phía sau rồi vào trong thấy nhiều tài sản như cà phê, tủ lạnh, tivi và một số vật dụng nhà bếp như 01 bếp gas hiệu Wajashi, 01 bình gas loại 12kg, hiệu Sfast, 01 nồi cơm điện hiệu KC, 01 bếp điện từ hiệu Sweet. Bị cáo lấy làm nhiều đợt như sau:

Đợt 1: Bị cáo dùng xe kéo chở 06 bao hạt cà phê khô trọng lượng 93kg bán cho bà Thái Thị L ở ấp A, xã L, huyện M được số tiền 1.674.000đ

Đợt 2: Khoảng 21 giờ cùng ngày bị cáo tiếp tục dùng xe kéo đến chòi lấy hết hạt cà phê tươi trong nhà cho vào 06 bao rồi bán cho bà Lê Thị Kim V được số tiền là 630.000đ.

Đợt 3: Rạng sáng ngày 13/12/2016 bị cáo tiếp tục chạy xe kéo đến chòi sử dụng 01 cây kim cắt màu đỏ đen, dài 20cm có sẵn nhà ông M cắt hàng rào B40 lấy 01 tủ lạnh hiệu Aqua chở đi cất giấu tại Công ty TS thuộc ấp A, xã L, huyện M và sau đó bán cho bà Nguyễn Thị T được số tiền 1.000.000đ. Sau khi lấy tủ lạnh, bị cáo quay lại lấy 01 bếp gas hiệu Wajashi, 01 bình gas loại 12kg, hiệu Sfast, 01 nồi

cơm điện hiệu KC, 01 bếp điện từ hiệu Sweet, 01 tivi 21 inch hiệu Daling về nhà cất giấu. Sau đó, bị cáo bán cho ông Tô Văn T 01 bếp gas hiệu Wajashi được số tiền 200.000đ. Số tài sản còn lại gồm 01 bình gas loại 12kg hiệu Sfast, 01 nồi cơm điện hiệu KC, 01 bếp điện từ hiệu Sweet, 01 tivi 21 inch hiệu Daling bị cáo cất giấu tại nhà bị thu giữ. Số lượng cà phê khô và tươi bị cáo bán cho bà L và bà V không thu hồi được. Tủ lạnh và bếp gas bị cáo bán cho bà T và ông T đã thu hồi trả lại cho bị hại.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo Nguyễn Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản.

Về kết luận định giá: Tại Biên bản định giá tài sản số 04/BB-HĐĐG ngày 19/01/2017 và Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐG ngày 19/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện XM xác định (Bút lục số 44, 45, 46):

- 93kg hạt cà phê khô trị giá là 3.952.500đ
- 90kg hạt cà phê tươi trị giá là 1.575.000đ
- 01 tủ lạnh hiệu AQUA trị giá là 3.550.000đ
- 01 tivi 21 inch hiệu Daling trị giá là 1.900.000đ
- 01 bếp gas hiệu Wajashi trị giá là 550.000đ
- 01 bình gas trọng lượng 12kg hiệu Sfast Gas trị giá là 350.000đ
- 01 nồi cơm điện hiệu KC trị giá là 180.000đ
- 01 bếp điện từ hiệu Sweet trị giá 275.000đ

Tổng giá trị tài sản mà bị cáo H đã chiếm đoạt của ông M là 12.332.500đ (Mười hai triệu ba trăm ba mươi hai ngàn năm trăm đồng)

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến khiếu nại về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo đã vận động cha ruột là ông Nguyễn Văn G bồi thường cho bị hại Phạm Văn M số tiền 8.000.000đ và bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền 1.000.000đ.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại là ông M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà T, ông T không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm, Kiểm sát viên đề nghị không xem xét.

Về xử lý vật chứng: 01 tủ lạnh hiệu AQUA; 01 tivi 21 inch hiệu Daling; 01 bếp gas hiệu Wajashi; 01 bình gas trọng lượng 12kg hiệu Sfast Gas; 01 nồi cơm điện hiệu KC; 01 bếp điện từ hiệu Sweet đã thu hồi trả lại bị hại; chiếc xe mô tô, biển số 72L4-1993 kéo theo rờ-móc tự chế là của ông G đứng tên chủ sở hữu đã trả lại ông G; 01 thanh sắt phi 12 dài 1,15m của bị hại M Cơ quan điều tra tạm giữ; 01 khoen ổ khóa cửa bị hư, lưới B40 bị cắt, 01 cây kim đã bị mất.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại là ông Phạm Văn M không yêu cầu thu hồi 01 thanh sắt, 01 cây kim, Kiểm sát viên đề nghị tiêu hủy thanh sắt.

Bản cáo trạng số 45/QĐ-KSĐT ngày 24/5/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015, cụ thể:

Truy tố: Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015

Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự đề nghị mức án đối bị cáo Nguyễn Văn H từ 10 tháng đến 14 tháng tù.

** Phân bồi thường dân sự bị hại Phạm Văn M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.*

** Về vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy thanh sắt dài 1,15m.*

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo H: Xin lỗi gia đình, xin lỗi bị hại và xin giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Xuyên Mộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi của bị cáo, xét thấy: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 12/12/2017 bị

cáo H lén lút vào nhà ông Phạm Văn M tại ấp A, xã L, huyện M, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu chiếm đoạt 06 bao cà phê khô, 06 bao cà phê tươi, 01 tủ lạnh, 01 tivi 21 inch hiệu Daling, 01 bếp gas hiệu Wajashi, 01 bình gas loại 12kg hiệu Sfast, 01 nồi cơm điện hiệu KC, 01 bếp điện từ hiệu Sweet. Tổng giá trị là 12.332.500đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) thì “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm*”. Như vậy, hành vi bị cáo lén lút chiếm đoạt tài sản của ông M có tổng giá trị là 12.332.500đ đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, theo hướng dẫn của Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 thì các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 có lợi cho người phạm tội được áp dụng. Theo hướng dẫn tại điểm b Mục 2 của Thông tư liên tịch số 02/2000/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BCA ngày 05/7/2000 của Tòa án nhân dân tối cao- Viện kiểm sát nhân dân tối cao- Bộ Tư pháp- Bộ Công an thì Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 có mức hình phạt tối thiểu bằng nhau (đều quy định từ 06 tháng đến 03 năm) nhưng mức tối đa của khung hình phạt nặng nhất được quy định trong Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là “tù chung thân”, còn trong Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là “20 năm”. Như vậy, Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định hình phạt nặng hơn Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được áp dụng để xử lý bị cáo. Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt nghiêm để giáo dục chung và phòng ngừa riêng.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; vận động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Về tiền sự:

Ngày 11/5/2015 bị cáo bị Công an xã L, huyện Xuyên Mộc xử phạt hành

chính về hành vi gây rối đánh nhau với số tiền phạt là 750.000đ theo Quyết định số 162/QĐ-XPVPHC, bị cáo chưa thi hành xong; tiếp đến ngày 18/5/2016 bị cáo bị Ủy ban nhân dân xã L, huyện Xuyên Mộc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, gây rối đánh nhau với thời hạn là 03 tháng theo Quyết định số 224/QĐ-UBND, bị cáo chấp hành xong ngày 20/8/2016 theo Giấy chứng nhận số 146/GCN-UBND.

Căn cứ quy định để tính bị cáo có tiền sự hay không đối với trường hợp bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dục là 02 năm; đối với trường hợp bị xử phạt hành chính là 01 năm kể từ ngày chấp hành xong. Như vậy, bị cáo có 02 tiền sự. Viện kiểm sát xác định bị cáo có 02 tiền sự là có căn cứ.

Về tiền án:

Ngày 28/10/2016 bị cáo trộm cắp tài sản, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2017/HSST, ngày 07/4/2017 Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt bị cáo 03 tháng 20 ngày tù. Ngày 12/12/2016, bị cáo tiếp tục trộm cắp tài sản, lần phạm tội này không xác định bị cáo có tiền án (vì thời điểm này Tòa án nhân dân huyện Châu Đức chưa xét xử vụ trộm ngày 28/6/2016). Do đó, Viện kiểm sát xác định bị cáo không có tiền án là có căn cứ.

Về nhân thân:

Ngày 17/7/2014 bị cáo bị Công an xã L, huyện Xuyên Mộc xử phạt 750.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; ngày 10/3/2015 bị cáo tiếp tục bị xử phạt 750.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo và nhân thân của bị cáo, xét thấy cần xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù, cách ly ra ngoài xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục. Kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù cách ly ra ngoài xã hội một thời gian là có căn cứ.

Về bồi thường thiệt hại:

Bị hại là ông M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà T, ông G, ông T không có yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm, Kiểm sát viên không có đề nghị gì, nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng:

01 thanh sắt phi 12 dài 1,15m là của ông M nhưng ông M không nhận lại, xét thấy tài sản không có giá trị. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy là có căn cứ; cây kim không thu hồi được nên không xem xét. Kiểm sát viên đề nghị tịch thu tiêu hủy cây sắt là có căn cứ

Về án phí:

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 thì người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Do đó, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H (Tên gọi khác là L) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 144 của Quốc hội; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về xử lý vật chứng: *Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:*

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) thanh sắt phi 12 dài 1,15m hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc đang tạm giữ theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng số 34/BB ngày 24/5/2017.

Án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR- VT;
- Công an tỉnh BR- VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Công an huyện Xuyên Mộc;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Trần Hiền

